TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC-TKV
CÔNG TY CỔ PHẦN
THAN - ĐIỆN NÔNG SƠN - TKV
Số: 840 /V.NSCP-KĐV
V/v Khảo sát và lập báo giá vật tư, thiết bị "Hệ thống nước thải NMNĐ Nông Sơn" phục vụ lập kế hoạch sửa chữa lớn năm 2027

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 9 tháng 04 năm 2026

THƯ MỜI KHẢO SÁT BÁO GIÁ

Kính gửi: Các nhà cung cấp có quan tâm

Công ty cổ phần Than-Điện Nông Sơn - TKV xin gửi lời chào trân trọng và hợp tác tới quý đơn vị.

Hiện tại, chúng tôi đang có nhu cầu Khảo sát và báo giá vật tư thiết bị Hệ thống nước thải NMNĐ Nông Sơn" phục vụ lập kế hoạch sửa chữa lớn năm 2027

Chúng tôi kính mời các nhà cung cấp (NCC) có quan tâm, tham gia khảo sát và báo giá vật tư, hàng hóa, với nội dung như sau:

1. Thông tin về vật tư, hàng hóa cần mua:

- Tên Đơn hàng: Mua sắm vật tư thiết bị Hệ thống nước thải NMNĐ Nông Sơn" phục vụ lập kế hoạch sửa chữa lớn năm 2027

- Chi tiết vật tư, hàng hóa: Bao gồm các nội dung tên vật tư, hàng hóa, thông số kỹ thuật quy cách vật tư, số lượng chi tiết như phục lục kèm theo.

- Yêu cầu về vật tư, hàng hóa:

+ Các vật tư, hàng hóa mới 100% chưa qua sử dụng, đúng quy cách, danh điểm và thông số kỹ thuật theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất; Hàng hóa được chào phải thể hiện rõ nhà sản xuất, xuất xứ và nguồn gốc hợp pháp của hàng hóa.

+ Vật tư, thiết bị được sản xuất từ năm 2025 đến trở về sau

+ Nhà cung cấp đính kèm cùng báo giá các tài liệu kỹ thuật của hàng hóa như: Catalog của hàng hóa để chứng minh hàng hóa là đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật của thư mời.

+ Khi chào vật tư, hàng hóa tương đương, NCC phải có tài liệu chứng minh của hãng sản xuất đảm bảo đáp ứng được chất lượng sản phẩm, tương thích với thiết bị hiện tại của nhà máy mà không ảnh hưởng đến chế độ vận hành của thiết bị (phải là tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất chứng minh cụ thể, rõ ràng tính tương đương với mặt hàng công ty yêu cầu).

2. Nội dung bản chào giá (BCG)

a. Yêu cầu về tư cách, kinh nghiệm và năng lực NCC

- Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, giấy phép kinh doanh đối với mặt hàng kinh doanh có điều kiện (nếu có) (Bản sao công chứng hoặc bản sao có đóng dấu đỏ của doanh nghiệp).

- Hợp đồng tương tự với phần công việc mời chào giá

- Trong quá trình chuẩn bị bản chào giá, Nhà cung cấp có quyền tham gia khảo sát kích thước, thông số kỹ thuật thiết bị thực tế của bên mời chào giá nhằm đảm bảo vật tư, hàng hóa cung cấp lắp đặt phù hợp và đồng bộ với thiết bị có sẵn của nhà máy.

b. Các yêu cầu về thương mại:

- Bản báo giá phải ghi rõ tên vật tư, hàng hóa, quy cách, mã hiệu, đơn vị tính, số lượng, đơn giá của từng vật tư, hàng hóa, tổng giá trị đơn hàng đã bao gồm chi phí khảo sát, chi phí vận chuyển, các loại thuế và chi phí khác.

- Địa điểm giao hàng: Tại kho Vật tư Công ty cổ phần Than-Điện Nông Sơn – TKV, địa chỉ: Thôn Nông Sơn, Xã Nông Sơn, Thành phố Đà Nẵng.

- Thời gian giao hàng: Nhà cung cấp đề xuất thời gian giao hàng.

- Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng đối với các vật tư chính.

- Hiệu lực của bản chào giá: ≥ 120 ngày kể từ ngày hết hạn nộp báo giá.

- NCC có thể báo giá cho toàn bộ hoặc báo giá cho một phần vật tư, hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp tùy thuộc vào khả năng thực tế của mình.

3. Hình thức báo giá:

- Bản báo giá và biểu báo giá phải do đại điện hợp pháp của NCC ký tên và đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký phải được ủy quyền của đại diện hợp pháp của NCC kèm theo giấy ủy quyền, quyết định giao việc hoặc văn bản tương đương.

- Bản báo giá và các tài liệu kèm theo phải được gửi trong phong bì dán kín, có niêm phong và gửi trực tiếp về địa chỉ:

+ Văn thư công ty hoặc Phòng Kế hoạch - Đầu tư - Vật tư, Công ty cổ phần Than-Điện Nông Sơn – TKV, địa chỉ: Thôn Nông Sơn, Xã Nông Sơn, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: 02363. 656 900 *(Ghi chú: Hồ sơ chào giá nộp trực tiếp – người đến nộp phải mang theo Giấy giới thiệu và bản sao CMND hoặc CCCD còn giá trị)*

Hoặc Nhà cung cấp có thể gửi báo giá và tài liệu về địa chỉ email: ***Nongson@vinacominpower.vn*** **và** ***Email: phongkhnongson@gmail.com*** *(Ghi chú: Đối với các đơn vị gửi báo giá qua email vẫn phải hoàn thiện gửi bản báo giá gốc cho bên mời chào giá qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp theo địa chỉ nêu trên)*

- Mọi thông tin trao đổi về phần kỹ thuật và tham gia khảo sát hàng hóa xin vui lòng liên hệ: Ông Bùi Quang Thắng – Phó phòng Kế hoạch-Đầu tư-Vật tư; số điện thoại: 0976.696.617.

4. Thời gian nhận bản báo giá: Bản báo giá và tài liệu kèm theo phải được gửi đến Công ty cổ phần Than-Điện Nông Sơn – TKV không chậm hơn 09 giờ 00 phút, ngày 22 tháng 04 năm 2026.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của các Nhà cung cấp!

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Giám đốc (b/c, ecopy);
- Email: truyenthongtkv@vinacomin.vn (để đăng tải);
- Email: bachbx@vinacominpower.vn (để đăng tải);
- Lưu VT, KĐV, PTD (7).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN - ĐIỆN NÔNG SƠN - TKV

Nguyễn Văn Thống

PHỤ LỤC 01: YÊU CẦU CHI TIẾT VỀ CÁC VẬT TƯ, HÀNG HÓA
HẠNG MỤC: HỆ THỐNG NƯỚC THẢI NMNĐ NÔNG SƠN
(Kèm theo văn bản số: 840 /V.NSCP-KĐV ngày 09 tháng 04 năm 2026)

STT	Tên vật tư, hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Xuất xứ, hãng sản xuất	Nguồn gốc, nước sản xuất	Ghi chú
1	Dây curoa	B51	6,00	6,00					
2	Tấm lắng lamen	Lamella-LM100: kích thước tấm: DxRxC = 2000x1000x500 (mm); kích thước ống lắng: 100x100mm; độ dày: 0.5mm; vật liệu: nhựa PVC màu xanh, góc nghiêng 60 độ đan chéo 2 chiều, nhiệt độ làm việc: 5-80độ C	22,00	22,00					
3	Thép U120	mạ kẽm; kích thước 120x50x5.2x5.7 mm;	160,00	160,00					
4	Ống thép	mạ kẽm; DN32; dày 2,97mm; 18m	52,00	52,00					
5	cát thạch anh	kích thước: 1-2mm	0,47	0,47					
6	cát thạch anh	kích thước:2-4mm	0,94	0,94					
7	Cát mangan	kích thước:2-4mm	1,57	1,57					
8	Than hoạt tính	mesh size: 4-8; Tỷ trọng: 520-550 kg/m3	0,79	0,79					
9	Tôn sóng	0.5mm; kích thước 1.2x3m, mạ kẽm	5,00	5,00					
10	Ống thép	mạ kẽm; DN25, dày 3mm; 30m	68,00	68,00					
11	Sơn phủ	Nishu, epoxy xanh dương đậm	52,00	52,00					
12	Sơn lót	Nishu, epoxy, màu ghi	32,00	32,00					
13	Vòng bi	SKF 6205-2Z	16,00	16,00					

STT	Tên vật tư, hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Xuất xứ, hãng sản xuất	Nguồn gốc, nước sản xuất	Ghi chú
14	Thép đặc	phi 21; dài 50m, SUS 304	123,00	123,00					
15	Sơn chống thấm	Sơn epoxy chống axit	250,00	250,00					
16	Vòng bi	SKF 6308-2Z	6,00	6,00					
17	Vòng bi	SKF 6305-2Z	4,00	4,00					
18	Vòng bi	SKF 6309-2Z	4,00	4,00					
19	Bơm bùn (bơm trục vít)	mã bơm: G40-1; Q=12m^3/h; H=60mH_2O; N=4KW	1,00	1,00					
20	Phớt chắn dầu	45x65x10	1,00	1,00					
21	Vòng bi	SKF 6209-2Z	1,00	1,00					
22	Bơm tăng áp giai đoạn 3	Mã bơm: ISW50-200(I) N = 7,5kW; IP56 Lưu lượng: 30m3/h H=47mH2O	1,00	1,00					

STT	Tên vật tư, hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Xuất xứ, hãng sản xuất	Nguồn gốc, nước sản xuất	Ghi chú
23	Bơm trung hòa số 1	- Hãng: Tsurumi – Japan Bơm chìm Mã hiệu: 80BQ21.5 - Lưu lượng: 50m3/h - Cột áp: H=16.9mH2O - Công suất: N=1.5kW/380V - Kích thước L xH : 424 x 558 mm - Trọng lượng (trừ dây cáp):48 kg - Nhiệt độ chất lỏng: 0- 40°C - Kiểu cánh: Semi- open (bán hở) - Vật rắn cho phép đi qua: 25 mm - Vật liệu: Thân và trục băng inox 304, thiết kế 316 theo yêu cầu riêng - Cáp lực cho bơm: 20m	1,00	1,00					

STT	Tên vật tư, hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Xuất xứ, hãng sản xuất	Nguồn gốc, nước sản xuất	Ghi chú
24	Bơm chìm giai đoạn 2	- Hãng: Tsurumi – Japan Mã hiệu: 80BQ21.5 - Lưu lượng: 50m3/h - Cột áp: H=16.9mH2O - Công suất: N=1.5kW/380V - Kích thước L xH : 424 x 558 mm - Trọng lượng (trừ dây cáp): 48 kg - Nhiệt độ chất lỏng: 0- 40°C - Kiểu cánh: Semi- open (bán hở) - Vật rắn cho phép đi qua: 25 mm - Vật liệu: Thân và trục băng inox 304, thiết kế 316 theo yêu cầu riêng - Kèm cáp tiêu chuẩn: 6m	1,00	1,00					
25	Van điện từ	mã van ZSDF1-15; DN15	1,00	1,00					
26	Van điện từ	mã van ZSDF1-50; DN50	1,00	1,00					
27	Van điện từ	mã van ZSDF1-25; DN25	2,00	2,00					
28	Van bướm điện	HL-05S; DN80	4,00	4,00					
29	Van bướm điện	HL-05S; DN65; PN10	1,00	1,00					
30	Van bướm	mã van D7 1X-50; DN50	2,00	2,00					
31	Van bướm	D71X-80; DN80; PN10	2,00	2,00					
32	Van bướm	D71X-50; DN50; PN10	2,00	2,00					
33	Van bướm điện	HL-05S; DN100	4,00	4,00					
34	Van bướm	D71X-100; DN100; PN10	2,00	2,00					

STT	Tên vật tư, hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Xuất xứ, hãng sản xuất	Nguồn gốc, nước sản xuất	Ghi chú
35	Van 1 chiều	H41T-16; DN65; PN10	2,00	2,00					
36	Van 1 chiều	H41T-10; DN80; PN10	4,00	4,00					
37	Van 1 chiều	H42-16; DN100; PN16	2,00	2,00					
38	Van bi tay gạt	CQ11F-25; DN25; PN10	2,00	2,00					
39	Van cổng	mã van Z15W-10; DN15; PN10	1,00	1,00					
40	Van cổng	mã van Z15W-10; DN25; PN10	1,00	1,00					
41	Van cổng	Z41T-10; DN80; PN10	4,00	4,00					
42	Van cổng	Z41T-10; DN100; PN10	2,00	2,00					
43	Ống thép	SUS304; DN50; dày 2.77mm; 36 m	141,60	141,60					
44	Ống thép	SUS304; DN25; dày 2.77mm; 18 m	38,00	38,00					
45	Ống thép	SUS304; DN15; dày 2mm; 6 m	5,70	5,70					
46	Co 90 độ	SUS304; DN50; dày 2.77mm	10,00	10,00					
47	Co 90 độ	SUS304; DN25; dày 2.77mm	6,00	6,00					
48	Co 90 độ	SUS304; DN15; dày 2mm	2,00	2,00					
49	Mặt bích	SUS304, DN65; PN10	4,00	4,00					
50	Tê	SUS304; DN50; dày 2.77mm	2,00	2,00					
51	Ống thép	SUS304; DN80; dày 3,73mm; 93m	728,00	728,00					
52	Co 90 độ	SUS304; DN80; dày 3,73mm	45,00	45,00					
53	Nối giảm	SUS304; DN80-DN65	4,00	4,00					
54	Nối giảm	SUS304; DN100-DN80	6,00	6,00					
55	Nối giảm	SUS304; DN80-DN50	6,00	6,00					
56	Mặt bích	SUS304; DN100; PN10	10,00	10,00					

STT	Tên vật tư, hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Xuất xứ, hãng sản xuất	Nguồn gốc, nước sản xuất	Ghi chú
57	Mặt bích	SUS304; DN80; PN10	28,00	28,00					
58	Tê thép	SUS304; DN80; dày 3,73mm	1,00	1,00					
59	Sơn	Nishu, epoxy xanh dương	50,00	50,00					
60	Sơn	Nishu, epoxy, màu ghi	25,00	25,00					
61	Dung môi pha sơn	THINNER 044 EP	30,00	30,00					
	TỔNG			6,00					
	THUẾ VAT								
	THÀNH TIỀN SAU THUẾ								